TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/DS-ST
Ngày: 17-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đổi

Bà Nguyễn Thị Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 102/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hoà Thắng, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Ông Đinh Hoài N, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thái Hoà, xã Hồng Thái, tỉnh Lâm Đồng

3. Người làm chứng:

- Ông Trương Thanh Vĩnh P, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: G N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Q, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 07/8/2017, ông Đinh Hoài N có vay của ông Trần Văn S số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) các bên ký kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày công chứng (ngày 07 tháng 8 năm 2017), ngay sau khi ký hợp đồng thì ông S đã giao tiền cho ông N đầy đủ. Hết thời hạn vay, ông S đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N cố tình né tránh, không trả, kéo dài nhiều năm.

Nay ông Trần Văn S yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng buộc ông Đinh Hoài N phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/8/2017 đến ngày 30/6/2025 với số tiền 307.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi ông Trần Văn S yêu cầu ông Đinh Hoài N phải trả là là 507.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Hoài N trình bày: Ông Đinh Hoài N xác định có ký hợp đồng vay tiền của ông Trần Văn S vào ngày 07/8/2017 tại Văn phòng C với số tiền 200.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay ba tháng kể từ ngày ký hợp đồng ngày 07/8/2017. Sau khi ký hợp đồng ông S đã giao đủ số tiền trên cho ông Trương Thanh Vĩnh P, bà Nguyễn Thị Ngọc T có sự chứng kiến của ông Đinh Hoài N. Lý do ông Đinh Hoài N ký hợp đồng vay với ông S là do ông P, bà T có nhu cầu vay tiền nên nhờ ông N đứng ra vay dùm, bản thân ông N không giữ số tiền 200.000.000 đồng đã ký hợp đồng vay của ông S. Do đó, ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S.

Người làm chứng ông Trương Thanh Vĩnh P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Năm 2016, vợ chồng tôi (vợ tôi Nguyễn Thị Ngọc T) mới biết và quen anh Đinh Hoài N. Sau đó, vợ chồng tôi mới biết và quen anh Trần Văn S (cán bộ, công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B) thông qua mối quan hệ với anh N. Để có tài chính cần thiết cho công ty H hoạt động trong thời gian này; thông qua mối quan hệ với ông Đinh Hoài N và ông Trần Văn S, vợ chồng tôi mới biết ông Trần Văn S có khả năng về tài chính, nên vợ chồng tôi mới đặt vấn đề mượn tiền (vay không lãi) 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) ở ông Trần Văn S. Ông Trần Văn S đồng ý cho vợ chồng tôi mượn khoản tiền trên, nhưng yêu cầu vợ chồng tôi phải có tài sản nào đó thế chấp để bảo đảm tiền mượn và phải thông qua một người trung gian là ông Đinh Hoài N, bằng một hợp đồng vay mượn tài sản.

Để thực hiện thoả thuận trên, chiều ngày 07/8/2017, chúng tôi gồm: ông Trần Văn S, ông Đinh Hoài N và vợ chồng tôi cùng đến Văn phòng C, Bình Thuận để ông S và ông N ký Hợp đồng vay tiền có số công chứng 1997, quyển số 02 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng C, Bình Thuận. Ngay sau đó, chúng tôi cùng đến Nhà hàng C1 để giao nhận tiền. Việc giao nhận tiền bằng tiền mặt trực tiếp từ giữa ông Trần Văn S với vợ tôi bà Nguyễn Thị Ngọc T; đồng thời, để làm tin cho nhau, vợ chồng tôi có đưa (thế chấp) cho ông S giữ một cuốn sổ đỏ số: BS 738034 do UBND huyện cấp ngày 12/6/2014 đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 6, diện tích 942,5m^2 đất trồng lúa mà chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Q do vợ chồng tôi nhờ ông Q đứng tên giùm.

Như vậy, thực chất của Hợp đồng này là ông Đinh Hoài N và ông Trần Văn S là người tham gia ký Hợp đồng; trong đó, ông N chỉ là người trung gian, người làm tin để ông S tin tưởng ký Hợp đồng. Năm 2018, đến đầu năm 2019, ông Trần Văn S có nhiều lần đến Nhà máy của công ty H yêu cầu vợ chồng tôi trả khoản tiền vay trên. Vợ chồng tôi có viết giấy cam kết nhận nợ và chồng tôi chưa trả được khoản nợ trên cho ông Trần Văn S vì điều kiện kinh tế quá khó khăn, nên vợ chồng ông chưa trả khoản nợ trên cho ông S.

Người làm chứng ông Nguyễn Q trình bày trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông không có quen biết gì với ông N, ông P, ông S, bà T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BS 738034 đối với thửa đất 146, tờ bản đồ số 6, diện tích 942,5m^2, địa chỉ Bàu Dầm Đ, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 12/6/2014 ông là chủ sở hữu tuy nhiên khoảng năm 2015 – 2016 ông bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên ông đã làm các thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ngày 04/7/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cũ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 118739 đối với thửa đất 146, tờ bản đồ số 8, diện tích 942,5m^2, địa chỉ Bàu Dầm Đ, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận cho ông. Trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Văn S và ông Đinh Hoài N, không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên toà: Nguyên đơn đề nghị bị đơn ông Đinh Hoài N phải trả tổng số tiền là 370.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 170.000.000 đồng. Trong quá trình tranh luận bị

đơn ông Đinh Hoài N tự nguyện đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể: Ông Đinh Hoài N trả cho ông Trần Văn S tổng số tiền là 370.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 170.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hoà giải, Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, phiên toà được tiến hành đúng trình tự pháp tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 227, Điều 229 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 229, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Đinh Hoài N phải trả cho ông Trần Văn S số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 08/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Đinh Hoài N phải trả số tiền đã vay là 200.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Lâm Đồng căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2]. Đối với việc vắng mặt của người làm chứng ông Nguyễn Q: Những người làm chứng đã triệu tập hợp lệ, đồng thời đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nên việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa các đương sự có mặt, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[1.3]. Đối với việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể ông Đinh Hoài N phải trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử là 170.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 70 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Văn S và ông Đinh Hoài N đều thừa nhận hai bên có ký hợp đồng vay tiền vào ngày 07/8/2017 tại Văn phòng C để số tiền vay là 200.000.000 đồng; đây là giao dịch của cá nhân ông S và cá nhân ông N không liên quan đến vợ của ông Đinh Hoài N. Việc các bên đương sự ký hợp đồng vay tiền ngày 07/8/2017 tại Văn phòng C là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên tại phiên toà (trong phần tranh luận) bị đơn đã đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể: Bị đơn ông Đinh Hoài N đồng ý trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền là 370.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 170.000.000 đồng (không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân

sự), đồng thời bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Việc các đương sự tự nguyện thoả thuận với nhau tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Toà án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đinh Hoài N phải chịu tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.140.000 đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí số 0006610 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Đinh Hoài N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 229, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của ;

Căn cứ ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S:

1. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Bị đơn ông Đinh Hoài N phải trả cho nguyên đơn ông Trần Văn S số tiền 370.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi 170.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Trần Văn S phải nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.140.000 đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí số 0006610 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn ông Đinh Hoài N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 17/6/2026).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13-Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng *(Qua Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13-Lâm Đồng);*
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TAND KHU VỰC 13
KNA170626.TL.QDBA
866

Đặng Xuân Ngọc